



Bài học lịch sử còn nguyên giá trị

■ GS.TSKH VŨ MINH GIANG

Hoa Kỳ là một cường quốc có tầm lực và ảnh hưởng quốc tế lớn tới mức hầu như không một quốc gia nào trong quá trình hoạch định chính sách của mình không tính đến yếu tố Hoa Kỳ và quan hệ với Hoa Kỳ. Trong bối cảnh quốc tế hoá và toàn cầu hoá đang diễn ra với tốc độ nhanh, cường độ mạnh nhưng vô cùng phức tạp hiện nay đã không ít người cho rằng đang có một nguy cơ đồng nhất toàn cầu hoá (globalisation) với Hoa Kỳ hoá (Americanisation). Điều này đang đặt ra cho chúng ta, những học giả thuộc các nước Đông Á, một khu vực có truyền thống văn hoá rất khác với phương Tây những vấn đề hết sức nghiêm túc để cùng nhau suy nghĩ, trao đổi qua đó có thể tìm ra những giải pháp ứng xử tối ưu, vừa thích ứng được với xu thế chung vừa phát huy được những thế mạnh của các giá trị văn hoá truyền thống.



NHỮNG LẦN TIẾP XÚC ĐẦU TIÊN GIỮA VIỆT NAM VỚI HOA KỲ

Theo những tài liệu hiện còn được lưu trữ tại Hoa Kỳ, vào tháng 7 năm 1787 Thomas Jefferson, khi ấy đang là đại diện của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ tại Pháp đã viết thư về nước bày tỏ sự quan tâm đặc biệt tới những thông tin do Pierre Poivre về tình hình nông nghiệp ở miền Nam Việt Nam. Ông đã liên hệ với con trai của Nguyễn Ánh (sau này trở thành Hoàng đế Gia Long) là Hoàng tử Cảnh, khi ấy đang có mặt ở Pháp để nhờ kiếm cho ông ta một số hạt lúa giống của Việt Nam. Đây có thể coi là thông tin sớm nhất về sự quan tâm của người Hoa Kỳ tới Việt Nam.

Năm 1801, Thomas Jefferson trở thành Tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ. Không hiểu có liên quan gì tới sự quan tâm trước đây của vị tân Tổng thống đối với vùng đất phía nam của Việt Nam mà ngay năm sau thương thuyền Frame do thuyền trưởng Jeremiah Brigg chỉ huy đã được phái sang Việt Nam để thu thập tin tức và tìm hiểu về nguồn cung ứng đường và cà phê cho thị trường Hoa Kỳ.

Tàu Frame đến cảng Đà Nẵng ngày 21 tháng 5 năm 1803. Tại đây, thuyền trưởng Brigg đã gặp hai chiến hạm của hải quân triều Nguyễn do người Pháp chỉ huy. Họ khuyên Brigg nên đến Huế để yết kiến vua Gia Long, nhưng tại đây viên thuyền trưởng Hoa Kỳ chỉ được gặp người đại diện của triều Nguyễn và một số cha cố, sĩ quan hải quân Pháp đang phục vụ vua Gia Long. Sau khi thu thập được một số thông tin, tàu Frame rời Việt Nam đi Manila vào ngày 10 tháng 6 năm 1803. Đây là chiếc tàu Hoa Kỳ đầu tiên đến Việt Nam.

Phải mất 16 năm sau mới có chiếc tàu Hoa Kỳ thứ hai đến Việt Nam. Đó là tàu Franklin do thuyền trưởng John White chỉ huy. Ngày 2 tháng 1 năm 1819, tàu Franklin cập cảng Vũng Tàu. J. White đã có cuộc tiếp xúc với quan

chức địa phương được hứa là sẽ cấp giấy phép cho vào Sài Gòn. Nhưng chờ mãi không thấy có hồi âm. Một quan chức địa phương nói rằng phải có giấy phép của triều đình thì tàu ngoại quốc mới được phép vào Sài Gòn. J. White quyết định đến Huế để trực tiếp yết kiến hoàng đế. Nhưng tiếc thay khi ấy Hoàng đế Gia Long đang tuần du ở Bắc Hà nên dự định của J. White không thực hiện được. Viên thuyền trưởng quyết định đưa thuyền đến Manila, hi vọng ở đây sẽ tìm ra được người có thể phiên dịch tiếng Việt rồi sẽ quay trở lại Việt Nam.

Sau khi tàu Franklin rời Việt Nam còn có 3 tàu buôn khác của Hoa Kỳ là Marmion, Aurora và Beverli ghé cảng Vũng Tàu và Đà Nẵng, nhưng tất cả đều không đạt được mục tiêu thương mại. Các tàu này lần lượt đến Manila và gặp J. White đang ở đó. Sau khi tìm được người phiên dịch tiếng Việt, J. White đề nghị thuyền trưởng John Brown đưa tàu Marmion cùng quay trở lại Việt Nam. Hai tàu Hoa Kỳ cập cảng Vũng Tàu ngày 25 tháng 9 năm 1819. Lần này J. White được nhận giấy phép vào Sài Gòn. Ngày 30 tháng 1 năm 1820, sau khi gom được một số hàng hoá chủ yếu là đường và tơ sống (row silk), hai tàu Hoa Kỳ rời cảng Sài Gòn. J. White trở về Salem vào ngày 30 tháng 8 năm 1820, sau cuộc hành trình kéo dài 20 tháng.

Sau khi về nước, vào năm 1823, J. White đã cho xuất bản ở Boston một cuốn sách mang tựa đề A Voyage to Cochinchina. Cuốn sách này đã có tác động rất mạnh đến thái độ của người Hoa Kỳ, nhất là giới thương nhân, đối với Việt Nam. Bên cạnh những mô tả chi tiết và sinh động các mặt của đời sống xã hội, rất có giá trị về mặt tư liệu giúp người đọc phần nào hình dung cụ thể về đất nước và con người Việt Nam trên đất Nam Bộ hồi đầu thế kỷ XIX, J. White đã đưa ra nhận xét làm nản lòng những người Hoa Kỳ đang có

ý định tìm cơ hội làm ăn ở xứ sở xa xôi này. J. White nhận định: "Trong suốt thời gian tôi dùng chân ở đất nước này, những gì tôi hiểu được về họ chỉ là sự xấu xa, đồi bại (villainy and turpitude). Họ hoàn toàn thiếu lòng trung thực nên thường tìm mọi cách để lừa gạt chúng tôi và rất giỏi tìm mọi thủ đoạn để lẩn tránh trách nhiệm. Điều đó thật là dễ dàng đạt được trước những thái độ cỏi mờ và cách làm ăn đúng đắn. Tất cả những việc buôn bán nghiêm túc rốt cuộc chỉ được xem như những chuyện vặt vãnh. Đối với mọi thương vụ hầu như không có một sự đảm bảo chắc chắn nào, trừ phi có được những hợp đồng bằng văn bản mà hình thức này dường như không bao giờ có. Họ có thể dùng mọi thủ đoạn để làm tiền thương nhân khiến họ khó chịu. Cùng với những đặc điểm trên, tính tham lam, trá trở, bạo ngược và phản thương mại (anti-commercial) của chính quyền sẽ là nguyên nhân đưa xứ sở này trở thành nơi kém hấp dẫn nhất ngay cả đối với những thương nhân có tính phiêu lưu...".

Sau này, chính những người nước ngoài, khi đọc cuốn sách này cũng cho rằng J. White đã xét đoán dân địa phương bằng một cách nhìn hạn hẹp của một người Thanh giáo cực đoan (Rigid Puritan) và không bao giờ tự vấn mình đã đối xử thế nào với dân bản xứ.

NHỮNG CỐ GẮNG NGOẠI GIAO NHẪM THIẾT LẬP QUAN HỆ THƯƠNG MẠI

Trong giai đoạn đầu, dường như người Hoa Kỳ quan tâm đến Việt Nam nhiều hơn sự quan tâm của triều Nguyễn đối với họ. Dưới triều Gia Long (1802 - 1820), triều đình có nhiều mối quan hệ với phương Tây, đặc biệt là với Pháp, nên sự xuất hiện của các tàu Hoa Kỳ chưa gây được sự chú ý. Hơn nữa, với sự hiểu biết chưa đầy đủ về phong tục tập quán địa phương của người Hoa Kỳ, cách ứng xử của họ còn gây nên



những sự ngờ vực của dân chúng và chính quyền các địa phương.

Mặc dù sứ mệnh của Brigg và J. White trong việc tìm hiểu và thăm dò khả năng thiết lập quan hệ buôn bán với Việt Nam có thể coi là thất bại, cơ quan đại diện của Hoa Kỳ tại Batavia lại có quan điểm khác. Năm 1826, Công sứ John Shillaber viết thư về nước đề nghị mở rộng hơn nữa hoạt động của các thương thuyền Hoa Kỳ tại các nước thuộc Ấn Độ Dương, trong đó có Cochinchina (Nam Bộ, Việt Nam). Trong khoảng thời gian từ năm 1826 đến năm 1832, J. Shillaber gửi hàng loạt thư thuyết phục Tổng thống cho phép ông được uỷ quyền đàm phán để xây dựng Hiệp định thương mại. Sự cố gắng của viên công sứ Hoa Kỳ ở Batavia đã đạt được kết quả sau khi Tổng thống Andrew Jackson lên nhậm chức vào năm 1829. Một phái bộ do Edmund Roberts được đích thân Tổng thống Hoa Kỳ cử sang Ấn Độ Dương đem theo dự thảo Hiệp định thương mại để có thể thay mặt chính phủ Hoa

Kỳ kí với triều đình nhà Nguyễn. Đầu tháng 1 năm 1832, chiến hạm Peacock chở phái bộ đến Vũng Lắm (nay thuộc tỉnh Phú Yên). Đại diện chính quyền địa phương đã lên tàu để hỏi han rất kĩ mục đích của đoàn. Sau 10 ngày chờ đợi, ngày 17 tháng 1 năm 1832, triều đình cử 2 viên quan và một đoàn tùy tùng đến gặp Edmund Roberts để đàm phán, nhưng sau nhiều ngày thảo luận Hiệp định thương mại vẫn không được kí kết. Theo lời của Edmund Roberts thì trách nhiệm hoàn toàn thuộc về triều Nguyễn. Theo ông ta thì các thủ tục ngoại giao quá rườm rà. Các quan chức cao cấp của triều đình được uỷ quyền thuyết lại không có ý kiến rõ ràng và thường lảng tránh trả lời những câu hỏi trực diện do phía Hoa Kỳ đặt ra. Trong khi đó, phía Việt Nam tỏ ra quá dè dặt, thận trọng và có thái độ nghi kỵ. Lí do quan trọng nhất khiến các phái viên của triều Nguyễn không đồng ý kí, rốt cuộc, chủ yếu lại là những vấn đề thuộc về hình thức văn bản. Họ cho rằng những lời lẽ viết trong dự

thảo Hiệp định không tuân thủ những công thức tôn kính cần phải có đối với hoàng đế Việt Nam. Thậm chí còn cần vận phía Hoa Kỳ, sau khi được giải thích rằng tổng thống Hoa Kỳ không tương xứng với hoàng đế Việt Nam.

Qua sử liệu Việt Nam, chúng ta biết rằng hai viên quan được triều đình giao cho việc đàm phán với Edmund Roberts là Ngoại lang Nguyễn Tri Phương và Tàu vụ Lí Văn Phúc. Sau khi nghe dịch nội dung Quốc thư của Tổng thống Hoa Kỳ và dự thảo Hiệp định thương mại, thấy không hợp với cách thức đã không trình lên vua rồi viết thư trả lời rằng vua Việt Nam không ngăn cản việc buôn bán, nhưng phải tuân theo pháp luật đã định. Tàu Hoa Kỳ đến phải đậu ở vịnh Sơn Trà (Đà Nẵng), không được phép lên bờ làm nhà. Nhận được thư này phái đoàn Edmund Roberts đã rời Việt Nam)

Thư của Joseph Baslestier, Công sứ Hoa Kỳ tại Singapore, viết cho Forsyth - Thủ kí Văn phòng Phủ Tổng thống lại đưa



ra một thông tin khác. Theo nguồn tin mà Joseph Baslestier cho là đáng tin cậy thì nguyên nhân của sự trục trặc trong việc kí Hiệp định thương mại lại do việc chuyển thư tới hoàng đế quá chậm trễ. Sau khi nhận được thư, vua Minh Mạng đã cho mời ngay phái bộ cùng thủy đoàn của tàu Peacock đến Huế, nhưng thư đến cảng thì tàu của Edmund Roberts đã nhổ neo ra khơi.

Có thể Joseph Baslestier cho nhận định của mình là đúng, nên ngay sau

khi được bổ nhiệm làm Công sứ tại Singapore, ông ta đã ra sức thuyết phục Tổng thống tiếp tục việc thương thuyết để kí Hiệp định thương mại với Việt Nam. Một lần nữa Edmund Roberts lại được giao nhiệm vụ làm sứ giả đi đàm phán. Ngày 14 tháng 5 năm 1836, phái đoàn của Edmund Roberts đến vịnh Sơn Trà. Lần này trục trặc lại xảy ra. Khi vừa tới Việt Nam thì Edmund Roberts bị ốm nặng nên phái viên của triều đình Huế đến ông ta không tiếp kiến được. Các quan triều Nguyễn coi

đó là sự khiêm nhã. Mặt khác, phái đoàn Hoa Kỳ lại yêu cầu phía Việt Nam phải trả lời thư của Tổng thống Andrew Jackson trong vòng ba ngày, nhưng triều đình Huế không thể đáp ứng được vì các phiên dịch giỏi đang đi công cán xa.

Kết cục của lần thương thuyết thứ hai cũng không khác gì lần thứ nhất. Hiệp định thương mại vẫn không được kí kết.

SỰ KIẾN KHU TRỤC HẠM CONSTITUTION

Trong khi vị Công sứ Hoa Kỳ tại Singapore là Joseph Baslestier đang tìm cách khai thông bế tắc trong việc kí kết Hiệp định thương mại giữa Hoa Kỳ và triều Nguyễn thì một vụ việc đáng tiếc trong quan hệ hai nước đã xảy ra. Ngày 14 tháng 5 năm 1845, khu trục hạm Constitution của Hoa Kỳ do John Percival chỉ huy ghé vào vịnh Đà Nẵng để mua lương thực và nước ngọt thì gặp cảnh truy đuổi cha cố người Pháp. John Percival đã ra lệnh tấn công đội



quân này để giải cứu vị cha cố. Triều đình cử quan đến để giải quyết thì viên thuyền trưởng đã cho bắt họ lên tàu làm con tin. Theo sử liệu Việt Nam, vụ này xảy ra vào năm 1844 và hai viên quan bị bắt lên tàu làm con tin là viên Ngoại lang Nguyễn Long và Kinh lược Nguyễn Đăng Giai. Sau vụ này, quan hệ giữa triều Nguyễn với Hoa Kỳ trở nên căng thẳng. Đích thân Tổng thống Zachary Taylor đã cử Baslestier làm phái viên đặc biệt để dàn xếp vụ việc, đồng thời vị Công sứ Hoa Kỳ còn được giao nhiệm vụ thúc đẩy việc đàm phán để kí Hiệp định thương mại. Phái đoàn của Baslestier đến Đà Nẵng ngày 13 tháng 3 năm 1850. Người được giao đón tiếp đoàn là quan đứng đầu tỉnh Quảng Nam. Theo mô tả của Baslestier thì viên quan Việt Nam từ chối không tiếp nhận thư của Tổng thống Hoa Kỳ vì ông ta đã cho phép hải quân của mình giết người Việt ngay trên lãnh thổ Việt Nam. Baslestier đã thuyết phục ông ta

rằng không tiếp nhận thư là sự sỉ nhục đối với Tổng thống Hoa Kỳ, nhưng viên quan Việt Nam vẫn không thay đổi thái độ. Cuộc hội kiến kéo dài chừng 3 tiếng thì kết thúc. Baslestier nán tàu lại 3 ngày để chờ xem phía Việt Nam có động thái gì mới, nhưng không thấy gì. Ngày 16 tháng 3 phái đoàn rời Đà Nẵng đi Thái Lan. Theo sử liệu Việt Nam mô tả thì việc phái đoàn Baslestier đến đơn thuần chỉ là sự xin lỗi cho hành động của chiếc tàu chiến Hoa Kỳ đã gây ra 5 năm về trước. Sau sự kiện này hầu như không thấy có các phái đoàn chính thức của Hoa Kỳ tới Việt Nam.

BÙI VIỆN SANG HOA KỲ

Năm 1858, hải quân Pháp nổ súng tấn công cảng Đà Nẵng, mở đầu công cuộc chinh phục Việt Nam bằng vũ lực. Triều Nguyễn đã tổ chức cuộc kháng chiến nhưng không thành công. Nhiều vùng đất quan trọng lần lượt bị quân Pháp chiếm đóng. Trong bối cảnh đó

những ý kiến được đề xuất nhằm cứu vãn tình thế, trong đó có giải pháp tìm kiếm sự giúp đỡ của các cường quốc. Lúc này Hoa Kỳ được coi là một quốc gia hùng mạnh lại thi hành chính sách chống thực dân có thể giúp Việt Nam. Năm 1873, triều Nguyễn đã cử Bùi Viện sang Hoa Kỳ để thực hiện sứ mệnh đó. Đầu tiên Bùi Viện đến Lãnh sự quán Hoa Kỳ ở Hồng Kông và được vị đại diện Hợp chủng quốc cổ vũ. Nhân cơ hội thuận lợi đó, Bùi Viện đã đi thẳng từ Hồng Kông sang Yokohama rồi đi tiếp sang Hoa Kỳ. Tại đây với sự giúp đỡ của nhiều bạn bè, ông đã được yết kiến Tổng thống Simpsom Grant. Tổng thống Hoa Kỳ đã có thái độ ủng hộ cuộc chiến chống thực dân của Việt Nam, nhưng không thể hứa hẹn gì vì Bùi Viện không có trong tay một Quốc thư chính thức. Ông quyết định quay trở về nước để xin Quốc thư, nhưng trong thời gian đó, Việt Nam biết rằng chính phủ Hoa Kỳ đã thay đổi



quan điểm. Họ có nhiều quyền lợi hơn khi xây dựng quan hệ thân thiện với chính phủ Pháp và điều đó đồng nghĩa với việc họ không thể giúp Việt Nam chống Pháp.

NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ

Qua những sự kiện lịch sử trên đây có thể nhận thấy sự khởi đầu cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ là những ý tưởng tốt đẹp, bắt đầu từ sự quan tâm của Thomas Jefferson đến Việt Nam, một vùng đất mà trước đó người Hoa Kỳ hầu như chưa biết tới. Được hấp dẫn bởi tiềm năng thương mại ở vùng đất Nam Bộ và với những hoạt động tích cực của đại diện Hợp chủng quốc tại Singapore, chính phủ Hoa Kỳ đã có những bước đi chủ động trong việc thiết lập quan hệ thương mại với Việt Nam.

Tuy nhiên, sự khác biệt về văn hoá, phong tục tập quán là rào cản lớn khiến quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt

Nam không tiến triển. Về phía Hoa Kỳ, tuy có những nỗ lực đáng kể trong việc chủ động đưa ra những sáng kiến để thiết lập quan hệ, nhưng thiếu những hiểu biết và sự kiên nhẫn cần thiết khi tiến hành thương thuyết với triều Nguyễn. Sự kiện tàu Constitution tấn công quân Nguyễn và bắt quan lại triều đình làm con tin đã làm cho sự tin cậy vốn đã rất ít ỏi càng xấu đi tới mức khó có thể vượt qua.

Về phía triều Nguyễn, sự hiểu biết về Hoa Kỳ cho đến trước khi Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng (năm 1858) hầu như không có gì. Các vua Nguyễn thường tự cho mình là văn minh, còn Hoa Kỳ là giống người "man rợ" nên không thiết tha với những đề xuất của họ. Các quan lại cao cấp thường đưa ra những nhận xét cho rằng người Hoa Kỳ "xảo quyệt, lắm mưu mô" nên thái độ ứng xử rất dè dặt, thận trọng.

- Khi Việt Nam lâm vào tình cảnh khó

khăn vì bị thất bại liên tiếp trước những cuộc tấn công quân sự của Pháp, triều Nguyễn từng bước có những nhìn nhận thực tế hơn, thậm chí muốn tìm kiếm ở Hoa Kỳ sự giúp đỡ, nhưng khi ấy thời cơ thiết lập quan hệ hoà hữu giữa hai nước đã qua.

Bài học lịch sử lớn nhất có thể rút ra từ những quan hệ đầu tiên giữa Việt Nam và Hoa Kỳ là phải hết sức chú trọng việc tìm hiểu về nhau và kiên nhẫn tìm cách giải quyết những bất đồng hoặc hiểu lầm. Ngày nay, bài học lịch sử này vẫn còn nguyên giá trị.